

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HS-ST

Ngày: 21-5-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH T**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Tuyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Sơn Hương;

Ông Trần Quốc Tuấn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Dương Chí Điền là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T tham gia phiên tòa:**  
Ông Kim Hua - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2020/TLST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị T; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 01/01/1979 tại tỉnh T; Nơi cư trú: Ấp M, xã N, huyện C, tỉnh T; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 4/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Họ và tên cha: Nguyễn Văn C, sinh năm 1939; Họ và tên mẹ: Phan Thị P, sinh năm 1939; Anh, chị, em ruột: có 10 người (05 nam, 05 nữ) lớn nhất sinh năm 1958, nhỏ nhất là bị cáo; Họ và tên chồng: Bùi Văn N, sinh năm 1977; Con ruột có 01 người (nam), sinh năm 2003; Tiền sự: Không có; Tiền án: Không có. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/10/2019 đến ngày 08/11/2019 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Tạm hoãn xuất cảnh cho đến nay (có mặt).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Trần Văn C, sinh năm 1964 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp Vàm Đình, xã N, huyện C, tỉnh T.

2. Bà Ngô Thị B, sinh năm 1954 (vắng mặt);

3. Đỗ Việt N, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Ấp M, xã N, huyện C, tỉnh T.

*Người làm chứng:*

1. Ông Lê Văn Dũng, sinh năm 1984 (vắng mặt);  
Nơi cư trú: Ấp Vàm Đình, xã N, huyện C, tỉnh T.
  2. Bà Phan Thị Nga, sinh năm 1960 (vắng mặt);
  3. Bà Nguyễn Thị Út, sinh năm 1968 (vắng mặt);
  4. Ông Nguyễn Văn Thắng, sinh năm 1989 (vắng mặt);
  5. Bà Nguyễn Thị Thanh, sinh năm 1977 (vắng mặt);
  6. Ông Trương Đức Nhã, sinh năm 1976 (vắng mặt);
  7. Bà Nguyễn Thị Kim Hằng, sinh năm 1986 (vắng mặt).
- Cùng nơi cư trú: Ấp M, xã N, huyện C, tỉnh T.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:* Vào khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 31/10/2019, lực lượng Công an tiến hành kiểm tra và phát hiện bị cáo Nguyễn Thị T có hành vi đánh bạc dưới hình thức bán số đề, được thua bằng tiền tại nhà thuộc ấp M, xã N, huyện C, tỉnh T. Vào ngày 31/10/2019 có các đài xổ số kiến thiết miền Nam gồm: An Giang; Bình Thuận và đài miền Bắc (Hà Nội). Dựa trên kết quả xổ số của các đài trên, bị cáo Thuận đã đánh bạc với hình thức là ghi số đề, ăn thua bằng tiền. Bị cáo sử dụng điện thoại di động, hiệu VIVO, màu vàng - đồng (bị cáo mới sử dụng nên không nhớ số thuê bao) để nghe, gọi, nhận nhắn tin với người khác để mua bán số đề, được thua bằng tiền, bị cáo còn gặp trực tiếp với những người mua số đề để bán số đề. Sau khi bị cáo đồng ý bán các số đề cho những người mua, bị cáo ghi lại vào quyển tập học sinh để căn cứ chi tiền khi có kết quả xổ số kiến thiết. Bị cáo thỏa thuận với những người mua số đề đối với các đài miền Nam, bị cáo tính tiền là 14 lô, còn ở đài miền Bắc tính tiền là 21 lô, thỏa thuận tỷ lệ thắng thua là 1/70 (tức là 1.000 đồng nếu trúng thưởng nhận được 70.000 đồng), việc giao nhận tiền thắng và thua được tính sau khi có kết quả mở thưởng hoặc qua ngày hôm sau.

Qua kết quả điều tra đã xác định ngày 31/10/2019, bị cáo Thuận đã đồng ý mua, bán số đề cho những người sau:

1. Ông Trần Văn C các số đề đài An Giang số 46 bao lô 2.000 đồng và đài Bình Thuận số 57 bao lô 2.000 đồng, tính tiền là 56.000 đồng. Qua đối chiếu kết quả mở thưởng thì ông Cúng không trúng thưởng.

2. Bà Phan Thị Nga các số đề đài An Giang số 36 bao lô 4.000 đồng, số 37 bao lô 6.000 đồng, số 53 bao lô 10.000 đồng, số 57 bao lô 2.000 đồng, số 68 bao lô 3.000 đồng và các số 54, 94, 83, 25 bao lô mỗi con số là 5.000 đồng. Tính tiền 630.000 đồng, qua đối chiếu kết quả mở thưởng thì bà Nga trúng thưởng số 57 bao lô 2.000 đồng x 70 lần = 140.000 đồng và trúng 02 lô số 83 bao lô 5.000 đồng x 70 lần x 2 = 700.000 đồng, tổng tiền trúng thưởng là 840.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền bị cáo bán số đề cho bà Nga là 1.470.000 đồng.

3. Bà Nguyễn Thị Út số 32 bao lô 5.000 đồng đài An Giang, tính tiền là 70.000 đồng. Qua đối chiếu kết quả mở thưởng thì bà Út không trúng thưởng.

4. Bà Ngô Thị B các số đài An Giang số 68, số 39 bao lô 5.000 đồng và đài Bình Thuận số 42 bao lô 5.000 đồng, tính tiền là 210.000 đồng. Qua đối chiếu kết quả mở thưởng thì bà Bé trúng thưởng số 39 bao lô 5.000 đồng  $\times 70$  lần = 350.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền bị cáo ghi số đề cho bà Bé là 560.000 đồng.

5. Ông Lê Văn Dũng các số đài An Giang số 25 bao lô 80.000 đồng, số 83 bao lô 20.000 đồng, tính tiền 1.400.000 đồng. Qua đối chiếu kết quả mở thưởng thì ông Dũng trúng thưởng 02 lô số 83 trúng, bao lô 20.000 đồng  $\times 70$  lần  $\times 2$  = 2.800.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền bị cáo ghi số đề cho ông Dũng là 4.200.000 đồng.

6. Ông Đỗ Việt N các số đài An Giang số 47, số 39 mỗi số bao lô 10.000 đồng, đài Bình Thuận số 07, số 59 mỗi số bao lô 10.000 đồng, tính tiền là 560.000 đồng. Đài miền bắc số 00, số 09, số 97 mỗi số bao lô 10.000 đồng, tính tiền là 630.000 đồng, tổng tiền là 1.190.000 đồng. Qua đối chiếu kết quả mở thưởng thì ông Nguyễn trúng thưởng 01 lô các số đài An Giang số 47 bao lô 10.000 đồng  $\times 70$  lần = 700.000 đồng, số 39 bao lô 10.000 đồng  $\times 70$  lần = 700.000 đồng và đài Bình Thuận số 59 bao lô 10.000 đồng  $\times 70$  lần = 700.000 đồng. Tổng tiền trúng thưởng là 2.100.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền bị cáo ghi số đề cho ông Nguyễn là 3.290.000 đồng.

7. Ông Nguyễn Văn Thắng số 32 đài An Giang bao lô 10.000 đồng, tính tiền 140.000 đồng. Qua đối chiếu kết quả mở thưởng thì ông Thắng không trúng thưởng.

8. Bà Nguyễn Thị Thanh các số đài An Giang số 53, 55 bao lô mỗi số 5.000 đồng, đài Bình Thuận số 53, 55 bao lô mỗi số 5.000 đồng, tính tiền 280.000 đồng. Qua đối chiếu kết quả mở thưởng thì bà Thanh trúng thưởng 01 lô số 53 đài An Giang bao lô 5.000 đồng  $\times 70$  lần = 350.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo ghi số đề cho bà Thanh là 630.000 đồng.

Ngoài ra, bị cáo còn khai nhận ghi, nhận số đề cho một số người khác nhưng bị cáo không nhớ tên, địa chỉ cụ thể, đài An Giang số 65, 32, 83 mỗi số bao lô 5.000 đồng, 02 lần số 83 lô đầu 10.000 đồng và lô cuối 20.000 đồng, tính tiền là 270.000 đồng. Qua đối chiếu kết quả mở thưởng thì số 83 trúng thưởng 02 lô, thành tiền 5.000 đồng  $\times 70$  lần  $\times 02$  = 700.000 đồng.

Quá trình điều tra, ông Cứng, ông Dũng, ông Nguyễn, ông Thắng, bà Nga, bà Út và bà Bé thừa nhận có mua số đề với bị cáo. Đối với bà Nga chỉ thừa nhận mua số đề với bị cáo các số 36 bao lô 4.000 đồng, số 57 bao lô 2.000 đồng, số 68 bao lô 3.000 đồng và số 94 bao lô 5.000 đồng, tính tiền là 196.000 đồng và chỉ trúng thưởng số 57 bao lô 2.000 đồng  $\times 70$  lần = 140.000 đồng, tổng tiền là 336.000 đồng. Riêng bà Thanh không thừa nhận có mua số đề với bị cáo.

Như vậy, tổng số tiền mà bị cáo Nguyễn Thị T mua, bán số đề vào ngày 31/10/2019 với ông Cứng, ông Dũng, bà Nga, bà Út, bà Bé, ông Nguyễn, ông Thắng, bà Thanh và một số người khác nhưng bị cáo không nhớ tên, địa chỉ cụ thể với số tiền là 11.386.000 đồng, trong đó: Tiền bán số đề là 4.246.000 đồng, tiền trúng thưởng là 7.140.000 đồng. Đồng thời, trước khi bị bắt quả tang bị cáo có bán số đề được khoảng 20 ngày nhưng không nhớ cụ thể bán cho ai, con số nào, đài

nào, bao nhiêu tiền nên chưa đủ cơ sở để xử lý (Bút lục số 154-155, 163-164, 172-173, 177-178, 200-203, 214-215, 273-278).

Sau khi bán số đề cho những người trên thì bị cáo chuyển toàn bộ các con số đề cho Trương Đức Nhã và Nguyễn Thị Kim Hằng để bị cáo hưởng huê hồng. Tuy nhiên, qua làm việc với Trương Đức Nhã và Nguyễn Thị Kim Hằng thì chưa chứng minh được hành vi ghi, nhận số đề với bị cáo nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C chưa đủ cơ sở để xử lý, khi nào chứng minh được, sẽ xử lý sau (Bút lục số 281-288).

Đối với ông Củng, ông Dũng, bà Nga, bà Út, bà Bé, ông Nguyễn, ông Thắng có hành vi ghi số đề nhưng chưa đủ định lượng, chưa bị xử phạt hành chính và chưa bị kết án về hành vi đánh bạc hoặc tổ chức đánh bạc nên Công an huyện C ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính mỗi người với số tiền 350.000 đồng, theo Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ. Đối với bà Nguyễn Thị Thanh chưa chứng minh được hành vi ghi, nhận số đề với bị cáo nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C chưa đủ cơ sở để xử lý, khi nào chứng minh được, sẽ xử lý sau (Bút lục số 147-148, 159-160, 168-169, 177-178, 192-193, 207-208, 219-220).

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo có cha ruột là ông Nguyễn Văn C được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì (Bút lục số 304-307).

Về vật chứng vụ án: Trong quá trình bắt, khám xét tại nhà bị cáo và quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C đã thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật như sau:

- Một quyển tập học sinh, có bìa cứng, gồm có 05 trang luôn bìa, được đánh số thứ tự từ 01 đến 05, có chữ ký xác nhận của bị cáo.

- Một quyển tập học sinh, có bìa cứng, gồm có 11 trang luôn bìa, được đánh số thứ tự từ 01 đến 11, có chữ ký xác nhận của bị cáo.

- 19 mảnh giấy, ghi ký hiệu chữ số được đánh số thứ tự từ 01 đến 19, có chữ ký xác nhận của bị cáo.

- Một điện thoại di động nhãn hiệu itel, màu xanh, có bàn phím bấm, số IMEI 1: 353511100725463, số IMEI 2: 353511100725471, đã qua sử dụng của bị cáo.

- Một điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu vàng - đồng, màn hình cảm ứng, số IMEI 1: 866614037694917, số IMEI 2: 866614037694909, đã qua sử dụng của bị cáo.

- Số tiền 26.570.000 đồng của bị cáo.

- Một điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, loại 6300, màu đen - trắng, số seri: 35293021851210, đã qua sử dụng của ông Nguyễn tự nguyện giao nộp.

- Số tiền 7.686.000 đồng dùng vào việc đánh bạc, trong đó tạm giữ của bị cáo 7.420.000 đồng, bà Bé: 210.000 đồng, ông Cứng: 56.000 đồng.

Về xử lý vật chứng:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu itel, màu xanh, có bàn phím bấm, số IMEI 1: 353511100725463, số IMEI 2: 353511100725471, đã qua sử dụng và số tiền 26.570.000 đồng, không liên quan đến vụ án nên đã trao trả lại cho bị cáo.

- Số tiền 7.686.000 đồng dùng vào việc đánh bạc, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C đã tạm giữ vào Kho bạc Nhà Nước huyện C để quản lý theo quy định.

Tại Cáo trạng số 12/CT-VKS-HS ngày 24/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Thị T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng thể hiện là đúng, bị cáo không bổ sung hay khiếu nại về nội dung Cáo trạng.

Vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích các chứng cứ buộc tội bị cáo, phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, Vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung Cáo trạng và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

Ngoài ra vị đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Thị T có ý kiến tranh luận: Xin Hội đồng xét xử giảm mức phạt tiền cho bị cáo.

Vị đại diện Viện kiểm sát bảo lưu quan điểm luận tội của mình vì đã xem xét, đánh giá toàn diện mức độ, hành vi và nhân thân của bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thị T nói lời sau cùng: Bị cáo cảm thấy ăn năn, hối cải về hành vi của mình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ và trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thu thập là hợp pháp. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Trong quá trình tố tụng Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

[2] Xét hành vi của bị cáo Nguyễn Thị T: Khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 31/10/2019, bị cáo bị lực lượng Công an bắt quả tang vì có hành vi bán số đề được thua bằng tiền tại nhà thuộc ấp M, xã N, huyện C, tỉnh T, cho ông Trần Văn C, bà Phan Thị Nga, bà Nguyễn Thị Út, bà Ngô Thị B, ông Lê Văn Dũng, ông Đỗ Việt N, ông Nguyễn Văn Thắng và một số người khác, với tổng số tiền ghi số đề là 11.386.000 đồng, trong đó tiền trúng thưởng là 7.140.000 đồng.

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; Người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Xét thấy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ và hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp nhằm sát phạt với người mua số đề mà được thua bằng tiền để thu lợi bất chính nhằm phục vụ cho nhu cầu tiêu xài cá nhân của mình. Bị cáo có ý thức xem thường pháp luật vì đã lợi dụng vào lòng ham muốn thu lợi bất chính từ việc trúng số đề, từ đó rủ rê, lôi kéo nhiều người khác tham gia đánh bạc với bị cáo để có được số tiền bất hợp pháp nên dẫn đến hành vi vi phạm pháp luật. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra nhằm để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt cho gia đình và xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo cũng cần xem xét cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ như: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo có cha ruột là ông Nguyễn Văn C được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì. Vì vậy cần áp dụng các điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng và có nhân thân tốt nên không cần thiết xử phạt hình phạt tù mà áp dụng hình phạt tiền cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng vụ án:

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu itel, màu xanh, có bàn phím bấm, số IMEI 1: 353511100725463, số IMEI 2: 353511100725471 đã qua sử dụng và số tiền 26.570.000 đồng của bị cáo Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C đã xử lý xong nên không xem xét.

- Đối với 01 quyển tập học sinh, có bìa cứng, gồm có 05 trang luôn bìa, được đánh số thứ tự từ 01 đến 05, có chữ ký xác nhận của bị cáo; 01 quyển tập học sinh, có bìa cứng, gồm có 11 trang luôn bìa, được đánh số thứ tự từ 01 đến 11, có chữ ký xác nhận của bị cáo; 19 mảnh giấy, ghi ký hiệu chữ số được đánh số thứ tự

từ 01 đến 19, có chữ ký xác nhận của bị cáo. Xét thấy, đây là các vật chứng liên quan đến hành vi mua, bán số đề của bị cáo nên tịch thu lưu vào hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu vàng - đồng, màn hình cảm ứng, số IMEI 1: 866614037694917, số IMEI 2: 866614037694909 đã qua sử dụng của bị cáo. Xét thấy, đây là công cụ để bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, loại 6300, màu đen - trắng, số seri: 35293021851210, đã qua sử dụng của ông Đỗ Việt N dùng để liên lạc với bị cáo để mua số đề. Xét thấy, đây là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền 7.686.000 đồng, trong đó của bị cáo là 7.420.000 đồng, của bà Ngô Thị B là 210.000 đồng và của ông Trần Văn C là 56.000 đồng. Xét thấy, đây là các số tiền dùng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy bản luận tội của Viện đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

[7] Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 30.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu itel, màu xanh, có bàn phím bấm, số IMEI 1: 353511100725463, số IMEI 2: 353511100725471 đã qua sử dụng và số tiền 26.570.000 đồng của bị cáo Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C đã xử lý xong nên không xem xét.

- Tịch thu lưu vào hồ sơ vụ án đối với 01 quyển tập học sinh, có bìa cứng, gồm có 05 trang luận bìa, được đánh số thứ tự từ 01 đến 05, có chữ ký xác nhận của bị cáo; 01 quyển tập học sinh, có bìa cứng, gồm có 11 trang luận bìa, được đánh số thứ tự từ 01 đến 11, có chữ ký xác nhận của bị cáo; 19 mảnh giấy, ghi ký hiệu chữ số được đánh số thứ tự từ 01 đến 19, có chữ ký xác nhận của bị cáo Nguyễn Thị T.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu vàng - đồng, màn hình cảm ứng, số IMEI 1: 866614037694917, số

IMEI 2: 866614037694909 đã qua sử dụng của bị cáo hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh T tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 27/3/2020.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, loại 6300, màu đen - trắng, số seri: 35293021851210, đã qua sử dụng của ông Đỗ Việt N hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh T tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 27/3/2020.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với số tiền 7.686.000 đồng, trong đó của bị cáo Nguyễn Thị T là 7.420.000 đồng, của bà Ngô Thị B là 210.000 đồng và của ông Trần Văn C là 56.000 đồng. Hiện số tiền này đã được nộp vào tài khoản số 39490907763200000 tại Kho bạc Nhà nước huyện C, tỉnh T theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 04/3/2020.

Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Thị T nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo Nguyễn Thị T được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Trần Văn C, bà Ngô Thị B và ông Đỗ Việt N vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- Sở Tư pháp tỉnh T;
- VKSND huyện C;
- Công an huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Bị cáo Nguyễn Thị T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Thị Tuyền**



**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Sơn Hương**

**Trần Quốc Tuấn**

**Mai Thị Tuyền**

